



shàng è

上 颚

noun · upper jaw

Example Sentences

wǒ de shàng è yǒu diǎn téng

我的上颚有点疼。

My upper jaw hurts a little.

yī shēng jiǎn chá le tā de shàng è hé yá chǐ

医生检查了他的上颚和牙齿。

The doctor examined his upper jaw and teeth.

kūn chóng de shàng'è tōng cháng yòng lái zǔ jǔ é shí wù

昆虫的上颚通常用来咀嚼食物。

Insects' upper jaws are usually used to chew food.

Trace each character, then write the word on your own.

上	上	上	上	上	上						
颚	颚	颚	颚	颚	颚	颚	颚	颚	颚	颚	颚
颚	颚	颚	颚	颚	颚	颚					